

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2023/DS-PT

Ngày: 19/4/2023

V/v “ *tranh chấp về kiện đòi tài sản và  
đòi tiền lương lao động giúp việc*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Tạ Duy Ước

*Các Thẩm phán:* ông Ngô Văn Thắng

bà Đỗ Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:** bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc “*Kiện đòi tài sản và đòi tiền lương lao động giúp việc*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của TAND huyện TY bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐ-PT ngày 08/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26 /2023/QĐ-PT ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn HĐ, xã QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty Luật TNHH TAH**- địa chỉ: số 168, đường NVC, tổ 1, khu 4B, phường HH, thành phố HL, Quảng Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Luật sư Đinh Đức T (theo Giấy ủy quyền có số chứng thực 0310, Quyền số 01/2021 SCT/CK-CĐ của Văn phòng công chứng Nguyễn Vắng). Có mặt

2. Bị đơn: chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1967; nơi ĐKKHKT: thôn ĐK, xã CC, huyện K 3, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Anh Sần A G** (tên gọi khác: **Sần A G**), sinh năm 1979.

3.2. **Anh Sần Văn L**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: thôn HĐ, xã QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng. (đều vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của anh Sần A G và anh Sần Văn L: **Công ty Luật TNHH TAH-** địa chỉ: số 168, đường NVC, tổ 1, khu 4B, phường HH, thành phố HL, Quảng Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Luật sư Đinh Đức T (theo Giấy ủy quyền có số chứng thực 233, Quyền số 01 SCT/CK của Văn phòng công chứng Giếng Đáy). Có mặt.

3.3. **Chị Sần Thị H**, sinh năm 1988; nơi cư trú cuối cùng: phố TT, thị trấn TY, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm:* bà Nguyễn Thị S và ông Sần Mẫn S1 chung sống với nhau từ năm 1978 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà S và ông S1 có 03 người con chung là Sần A G (tức G1), Sần Thị H, Sần Văn L. Năm 1980, gia đình bà S, ông S1 chuyển tới xây dựng nhà và sinh sống tại phố TT, thị trấn TY, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2020, bà S cùng anh G, anh L đã chuyển về nhà ở thôn HĐ, xã QP, huyện TL, thành phố Hải Phòng sinh sống. Bà S và ông S1 cùng thống nhất tài sản chung như sau: bán căn nhà ở phố TT, thị trấn TY, huyện TY được số tiền 1.300.000.000 đồng, cùng số tiền 200.000.000 đồng rút tại ngân hàng Techcombank và 01 sổ tiết kiệm 300.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TY. Bà S sẽ nhận 100.000.000 đồng để lo việc cho các con, số tiền còn lại mua đất, xây nhà tại thôn TB1, xã TL, huyện TY hết 860.000.000 đồng. Còn 540.000.000 đồng sẽ gửi 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản tiết kiệm của vợ chồng ông bà tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TY. Ngoài ra trong nhà còn có các tài sản gồm: 01 xe máy; 01 ti vi 43 inch; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sổ tiết kiệm 450.000.000 đồng, tất cả tài sản đều do ông S1 quản lý.

Sau khi bà S và các con về Hải Phòng sinh sống, do tuổi cao, sức yếu nên

ông S1 thuê chị Nguyễn Thị X về để chăm sóc sinh hoạt, nội trợ cho ông. Ngày 04/02/2021, ông S1 chết do già yếu. Do dịch bệnh Covid-19 nên bà S cùng các con không thể về TY để tổ chức tang lễ cho ông S1 mà nhờ Chính quyền địa phương giúp đỡ, vì vậy chị Nguyễn Thị X đã quản lý toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bà S và ông S1. Tài sản bà X quản lý gồm quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609.002 cấp ngày 30/6/2016 (viết tắt là thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38) và sổ tiết kiệm số: AC 000.249.704.36 do Ngân hàng Nông nghiệp phát hành ngày 23/12/2020 trị giá 450.000.000 đồng. Bà S và anh G, anh L nhiều lần đề nghị bà X giao chìa khóa và tài sản lại cho gia đình bà S nhưng bà X không đồng ý. Gia đình bà S đã đề nghị cơ quan Công an và UBND xã TL giải quyết nhưng không có kết quả.

Bà S đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị X phải trả lại cho bà S các tài sản gồm: Quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, bao gồm cả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sổ tiết kiệm số AC 000.249.704.36 do Ngân hàng Nông nghiệp phát hành ngày 23/12/2020 trị giá 450.000.000 đồng. Ngày 20/06/2022 đại diện nguyên đơn ông Đinh Đức T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung như sau: rút yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị X phải trả lại cho bà S tài sản là sổ tiết kiệm số: AC 000.249.704.36 do Ngân hàng Nông nghiệp phát hành ngày 23/12/2020 trị giá 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà S có quan điểm bà S, anh Gióng, anh L, chị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền công lao động cho c X. Bà S sẽ thay mặt anh Gióng, anh L, chị H thanh toán cho c X và nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị X có quan điểm:* Đầu tháng 4 năm 2020 chị được chị Đỗ Thị H giới thiệu đến làm giúp việc cho ông S1. Chị về làm công việc nội trợ và chăm sóc ông S1 được gần 02 tháng. Đến đầu tháng 6/2020, ông S1 đề nghị chị là bạn đời với ông S1, thì chị đồng ý. Khi ông S1 bán nhà ở phố TT để chuyển sang thôn TBsinh sống, chị mới biết ông S1 đang có vợ con, nhưng vì thương ông S1 nên chị và ông S1 vẫn sống chung với nhau. Vợ chồng ông S1 bán căn nhà ở phố TT được 1.300.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị S là vợ ông S1 lấy 30.000.000 đồng để chuyển hộ khẩu; bà S đòi 150.000.000 đồng; trả cho cô Đỗ Thị H1

100.000.000 đồng chi phí giới thiệu quan hệ cho chị với ông S1 và bảo đảm cho chị không bị ai đến quấy phá; ông S1 đi lấy hàng bán 47.000.000 đồng; mua đất của ông Nguyễn Ngọc V số tiền 530.000.000 đồng; chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết 20.000.000 đồng; số tiền còn lại ông S1 dùng để xây căn nhà cấp 4, mái tôn gồm 03 phòng và 01 căn nhà nhỏ. Quá trình xây căn nhà cấp 4 ở thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, chi phí xây dựng chị không nhớ rõ, nhà lớn khoảng 400.000.000 đồng, nhà nhỏ hết khoảng 110.000.000 đồng. Chi phí xây nhà do chị và ông S1 cùng bỏ ra, chị còn phải vay nợ thêm. Trong quá trình chung sống ông S1 đã ủy quyền cho chị được toàn quyền sở hữu tài sản sau khi ông S1 chết gồm: nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38; 01 xe máy; số tiền gửi của ông S1 tại Ngân hàng Nông nghiệp. Ông S1 là người không biết chữ, nên giấy ủy quyền đề ngày 12/8/2020 là do c X trực tiếp viết tay theo nội dung ông S1 đọc. Giấy ủy quyền đề ngày 01/12/2020 là do chị đến nhờ ông Trần Xuân L, là Công an thị trấn TY đánh máy hộ, theo đúng nội dung, quan điểm của ông S1, sau đó thì chị mang giấy ủy quyền về đưa lại cho ông S1. Ông S1 tự điểm chỉ vào giấy ủy quyền trên và đi nhờ người ký làm chứng, sau đó thì đưa lại cho chị giữ. Chị không được chứng kiến việc ông S1 điểm chỉ vào 2 giấy ủy quyền trên nên chị không biết ông S1 điểm chỉ bằng ngón nào, tay nào. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609002 do UBND huyện TY cấp ngày 30/6/2020 do ông Sẩn Mẫn S1 cất giữ, c X không biết ở đâu.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S. Ngày 08/6/2022 chị Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu phản tố có những nội dung như sau:

- Đề nghị những người thừa kế của ông S1 phải thanh toán nghĩa vụ do ông S1 để lại gồm: 150.000.000 đồng (tiền góp chung với ông S1 vào sổ tiết kiệm 450.000.000 đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TY; tiền ma chay cho ông S1 29.360.000 đồng; tiền công chăm sóc cho ông S1 15.000.000 đồng/ tháng x 10 tháng = 150.000.000 đồng; tiền công chăm sóc trên bệnh viện Bãi Cháy, trung tâm y tế TY và các bệnh viện khác 5.000.000 đồng; tiền công quản lý tài sản từ tháng 01/2021 đến nay = 2.000.000 đồng/ tháng x 17 tháng = 34.000.000 đồng. Tổng cộng 368.360.000 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Trả cho anh Hoàng VH, địa chỉ: thôn TB2, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh số tiền 100.000.000 đồng, chị và ông S1 đã vay của anh Hưng.

Tuy nhiên, c X không nộp tạm ứng án phí theo Thông báo của Tòa án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm: quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, bao gồm cả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài chung vợ chồng của ông Sần Mần S1 và bà Nguyễn Thị S. Việc c X đang chiếm giữ tài sản là bất hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố bị đơn yêu cầu những người thừa kế của ông Sần Mần S1 phải thanh toán nghĩa vụ do ông S1 để lại gồm: 150.000.000 đồng là tiền góp chung với ông S1 vào sổ tiết kiệm 450.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng nông nghiệp; tiền ma chay cho ông S1; tiền công quản lý tài sản từ khi ông S1 chết; trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho anh Hoàng VH, do bị đơn không nộp tạm ứng án phí theo quy định, nên Tòa án nhân dân huyện TY không thụ lý, xem xét các yêu cầu phản tố nói trên tại vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố bị đơn yêu cầu những người thừa kế của ông S1 phải thanh toán nghĩa vụ do ông S1 để lại gồm: tiền công chăm sóc ông S1 là 150.000.000 đồng (15.000.000 đồng/tháng x 10 tháng); tiền công chăm sóc trên bệnh viện Bãi Cháy, TY và các bệnh viện khác là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 155.000.000 đồng. Khấu trừ 6.000.000 đồng tiền bà X ứng tiền công lao động. Đây là trường hợp người lao động khởi kiện đòi tiền lương, được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị X đối với yêu cầu thanh toán trả tiền công lao động, buộc bà S, anh G (tức G1), anh L, chị H liên đới thanh toán tiền công lao động, giúp việc cho c X từ tháng 4/2020 đến hết ngày 03/02/2021 với số tiền 149.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Sần A G (tức G1), anh Sần Văn L và người đại diện của anh G và anh L có quan điểm:* toàn bộ lời khai về nội dung vụ việc tranh chấp của bà Nguyễn Thị S là đúng sự thật; anh G và anh L đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sần Thị H: đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có quan điểm giải quyết vụ án.

*Người làm chứng anh Trần Văn C có lời khai thể hiện:* không có việc bà

X góp số tiền 150.000.000đ gửi tiết kiệm chung với ông S1. Sau khi mua đất và xây nhà tại thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh, ông S1 có nói với anh C là còn thừa 200.000.000 đồng thì 150.000.000 đồng ông gửi Ngân hàng Nông nghiệp. Khi ông S1 chết, chi phí mai táng do UBND xã TL chi trả, bà X có trả tiền thuê thầy cúng và 02 mâm cơm.

*Người làm chứng anh Hà Văn L1 và ông Đinh Tiến L2 có lời khai thể hiện:* Anh L1 và ông L2 là hai người ký làm chứng tại giấy ủy quyền đề ngày 01/12/2020. Ông S1 là người không biết chữ. Anh L1 và ông L2 đều khẳng định không được chứng kiến ông S1 điểm chỉ tại giấy ủy quyền. Khi ông S1 đưa giấy ủy quyền cho ông L2 nhờ ký vào phần người làm chứng thì ông L2 thấy đã có dấu điểm chỉ ở phần người ủy quyền. Còn anh L1 được c X đưa cho và nhờ anh ký hộ, bản thân anh không đọc nội dung văn bản. Ông S1 giới thiệu với hàng xóm là c X là vợ của ông S1.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn K có lời khai thể hiện:* Chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn K tại giấy ủy quyền đề ngày 12/8/2020 là của ông nhưng ông không biết về nội dung giấy ủy quyền trên. Ông không biết ai đã viết giấy ủy quyền trên và không được chứng kiến sự việc ông S1 điểm chỉ tại giấy ủy quyền. Trước đó c X là người giúp việc nhà của ông S1 có đến nhờ ông xác nhận sự việc c X đến làm giúp việc ở nhà ông S1 từ ngày 14/4/2020 đến ngày 30/5/2020, thì ông K có ký hai tờ giấy, một tờ có ghi nội dung đầy đủ về sự việc trên và một tờ còn lại là giấy trắng, c X có nói là để ghi sau vì c X bận đi chợ.

*Người làm chứng ông Trần Xuân L có lời khai thể hiện:* c X là người nhờ ông đánh máy giấy ủy quyền đề ngày 01/12/2020. Ông không gặp và không biết quan điểm của ông S1 như thế nào, ông đánh nội dung đúng theo lời c X đọc.

*Người làm chứng ông Lã Thanh B có lời khai thể hiện:* thời điểm ông Sãn Mần S1 và chị Nguyễn Thị X về cùng chung sống tại thôn TB1, thì ông B đang giữ chức vụ Bí thư kiêm Trưởng thôn TB1. Ông S1 nói với mọi người là c X là vợ của ông S1 và có sự việc c X và ông S1 đến Ủy ban nhân dân xã TL để đăng ký kết hôn, nhưng do ông S1 là người đang có vợ con và chưa ly hôn nên Chính quyền xã không đồng ý, nên c X và ông S1 không đăng ký kết hôn được với nhau.

*Người làm chứng chị Đỗ Thị H1 có lời khai thể hiện:* chị H1 là người giới thiệu c X đến làm giúp việc cho ông S1. Về tiền công lao động thì chị chỉ nghe c X nói: mỗi tháng ông S1 sẽ trả cho c X 5.000.000 đồng. Thực tế việc thỏa thuận

tiền công và quá trình trả tiền như thế nào thì chị không biết. Khoảng 01 tháng sau khi ông S1 chết thì vợ con ông S1 về đòi lại tài sản, nhưng c X không trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TY tuyên xử: Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị X phải trả lại cho bà S tài sản là Sổ tiết kiệm số AC 000.29.704.36 do Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TY phát hành ngày 23/12/2020 trị giá 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc kiện đòi tài sản là quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38 đối với chị Nguyễn Thị X đang chiếm hữu bất hợp pháp. Buộc chị Nguyễn Thị X phải trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Sần A G (tức G1), Sần Thị H và Sần Văn L quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609002 ngày 30/6/2020. Bà Nguyễn Thị S, anh Sần A G (tức G1), chị Sần Thị H và anh Sần Văn L được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm 02 nhà cấp 4 mái bằng diện tích lần lượt là 63,9 m<sup>2</sup> và 27,0 m<sup>2</sup>; 01 chuồng gà diện tích 11,1 m<sup>2</sup>; 01 tường bao cao 1,5 m, chiều dài 12,59 m và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609002 ngày 30/6/2020.

Chị Sần Thị H đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Tạm giao kỷ phần mà chị Sần Thị H được nhận theo quy định của pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Sần Mần S1 cho bà S quản lý.

Bà S, anh G (tức G1) và anh L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị S tự nguyện thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài sản do ông S1 (đã chết) để lại là tiền công lao động giúp việc cho chị Nguyễn Thị X.

Ghi nhận sự thỏa thuận về mức tiền công lao động giúp việc cho ông Sần Mần S1 của chị Nguyễn Thị X trong hai tháng (từ ngày 14/4/2020 đến đầu tháng 6 năm

2020), mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng); Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho chị Nguyễn Thị X tiền công lao động giúp việc là 02 tháng x 10.000.000 đồng – 6.000.000 đồng = 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 08/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định kháng nghị về nội dung tuyên án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát giữ nguyên yêu cầu kháng nghị, các đương sự giữ nguyên các quan điểm đã trình bày. Đại diện viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về tố tụng:**

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nằm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

### **[2] Xem xét kháng nghị thấy:**

*Thứ nhất, vi phạm không giải quyết hết nội dung đơn khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị S khởi kiện chị Nguyễn Thị X phải trả lại cho bà S các tài sản gồm: Quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38 địa chỉ: thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh, bao gồm cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609002 ngày 30/6/2020, mặc dù bản án có nhận định không có căn cứ xác định c X là người đang giữ giấy chứng nhận trên, nhưng phần Quyết định lại không tuyên chấp nhận hay không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện này là vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; vì vậy chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát. Ngoài ra, cấp sơ thẩm không xác định rõ diện tích của thửa đất trên trong bản án là thiếu sót, gây khó khăn cho thi hành án. Cấp phúc thẩm sẽ bổ sung nội dung này để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Thứ hai, vi phạm giải quyết vượt quá nội dung đơn khởi kiện:* Căn cứ theo điều 65, 69 Bộ luật dân sự 2015 đối với trường hợp chị Sần Thị H đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 11/8/2021, theo yêu cầu của bà S, phân quyền tài sản của chị H sẽ được giao cho bà S trực tiếp quản lý là phù hợp. Tuy nhiên, bà S chỉ khởi kiện yêu cầu c X trả lại tài sản là di sản đang chiếm giữ chứ không yêu cầu chia di sản thừa kế của ông S1, việc bản án sơ thẩm tuyên tạm giao kỷ phần mà chị H được nhận theo quy định của pháp luật đối với di sản thừa kế của ông S1 cho bà S quản lý, là vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự vì vậy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này.

Ngoài ra phạm vi khởi kiện là người thừa kế đòi lại di sản do người khác chiếm giữ mà chưa yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế nhưng tại quyết định của bản án sơ thẩm lại quyết định bà S và những người thừa kế được quyền sở hữu tài sản trên đất, quyền sử dụng đất và có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định là chưa đúng, vượt quá yêu cầu khởi kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của đương sự nên cần hủy phần quyết định này để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*- Thứ ba, vi phạm về nội dung tuyên án nghĩa vụ nộp án phí:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà S có quan điểm bà S sẽ thay mặt anh Gióng, anh L, chị H thanh toán toàn bộ tiền công lao động giúp việc của c X chứ không phải bà S sẽ là người chịu toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trên. Bản án sơ thẩm tuyên “Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho chị Nguyễn Thị X tiền công lao động giúp việc là 02 tháng x 10.000.000 đồng - 6.000.000 đồng = 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng)” là không chính xác. Cần tuyên bà S, anh Gióng, anh L, chị H có nghĩa vụ thanh toán tiền công lao động cho c X. Chia theo phần mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán là  $14.000.000\text{đ}/4 = 3.500.000\text{đ}/\text{người}$ .

Bà S có quan điểm tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho những người đồng thừa kế di sản của ông S1. Bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí và bà có nghĩa vụ nộp án phí thay cho anh G, anh L, chị H đối với yêu cầu phản tố của c X được chấp nhận, tính theo nghĩa vụ thanh toán của mỗi người.

Bản án cấp sơ thẩm tuyên bà Nguyễn Thị S được miễn nộp 105.000 đồng phần của bà S. Buộc bà Nguyễn Thị S phải nộp 105.000 đồng x 3=315.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (tiền án phí dân sự sơ thẩm bà S nộp thay cho những người đồng thừa kế di sản của ông S1) là vi phạm Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tại mục a,1.5.1. II của danh mục. Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBNTV14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

Về áp dụng điều luật: xét thấy Điều 167 luật Đất đai không liên quan đến nội dung vụ án nên cần sửa nội dung áp dụng pháp luật

**[3] Về án phí phúc thẩm:** căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326 thì Viện kiểm sát kháng nghị bản án không phải nộp và không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308, Điều 309, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 08/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Sửa bản án sơ thẩm và hủy một phần bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TY.

Căn cứ vào: Điều 65, Điều 69; Điều 158; Điều 164; Điều 166; Điều 169; Điều 357; Điều 468; khoản 2 Điều 119; Điều 122; Điều 123; Điều 131; điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651; khoản 2 Điều 213; Điều 562; khoản 3 Điều 630; Điều 614; Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 90; Điều 94; Điều 161; Điều 163 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ tranh chấp:

1.1. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị X phải trả lại cho bà S tài sản là Sổ tiết kiệm số AC 000.29.704.36 do Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TY phát hành ngày 23/12/2020 trị giá 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc kiện đòi tài sản là quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38 đối với chị Nguyễn Thị X đang chiếm hữu bất hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị S, anh Sần A G (tức G1), Sần Thị H và Sần Văn L quyền sở hữu nhà ở, công trình trên đất và quyền sử dụng thửa đất số: 431, diện tích 148,8m<sup>2</sup> tờ bản đồ số: 38, địa chỉ tại thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609002 ngày 30/6/2020. Giao cho bà S quản lý phần quyền tài sản của chị H.

(Thửa đất trên có sơ đồ kèm theo là bộ phận không tách rời của bản án).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc buộc chị Nguyễn Thị X phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 609002 ngày 30/6/2020.

1.3. Ghi nhận sự thỏa thuận về mức tiền công lao động giúp việc cho ông Sần Mần S1 của chị Nguyễn Thị X trong hai tháng (từ ngày 14/4/2020 đến đầu tháng 6 năm 2020), mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị S, anh Sần A G (tức G1), chị Sần Thị H và anh Sần Văn L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị X tiền công lao động 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Chia theo phần mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán là  $14.000.000\text{đ}/4 = 3.500.000\text{đ}$  (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/người.

1.4. Hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm có nội dung : “Bà Nguyễn Thị S, anh Sần A G (tức G1), chị Sần Thị H và anh Sần Văn L được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm 02 nhà cấp 4 mái bằng diện tích lần lượt là 63,9 m<sup>2</sup> và 27,0 m<sup>2</sup>; 01 chuồng gà diện tích 11,1 m<sup>2</sup>; 01 tường bao cao 1,5 m, chiều dài 12,59 m và quyền sử dụng thửa đất số: 431, tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: thôn TB1, xã TL, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 609002 ngày 30/6/2020. Bà S, anh G (tức

G1) và anh L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận việc bà S tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho anh G, chị H và anh L.

Bà S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần của bà S. Buộc bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng  $\times 3 = 900.000$  đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (tiền án phí dân sự sơ thẩm bà S nộp thay anh G, chị H và anh L).

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành án thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND huyện TY;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Duy Ước**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Thắng**

**Đỗ Thị Duyên**

**Tạ Duy Ước**

